

THÔNG BÁO

V/V CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI TỐT NGHIỆP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Thông báo này thay thế Thông báo số 450-23/TB-DSG-ĐT ngày 03/11/2023 về việc năng lực ngoại ngữ của người tốt nghiệp trình độ đại học; áp dụng từ năm học 2025 – 2026 tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

(A) Căn cứ thực hiện:

- + Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- + Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- + Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- + Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ GDĐT về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT); xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- + Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/09/2017 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- + Thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- + Quyết định 93/QĐ-BGDĐT ngày 05/01/2024 của Bộ GDĐT về việc công nhận cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Pearson English International Certificate (PEIC).
- + Quyết định 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/08/2024 của Bộ GDĐT về việc công nhận cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Pearson Test of English Academic (PTE Academic).
- + Quyết định 473/QĐ-BGDĐT ngày 26/02/2025 của Bộ GDĐT về việc điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh TOEFL iBT và TOEFL ITP.
- + Quyết định 499/QĐ-BGDĐT ngày 27/02/2025 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh TOEIC.
- + Quyết định 1557/QĐ-BGDĐT ngày 06/09/2025 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh IELTS.
- + Đề án số 29-22/DA-DSG-ĐT ngày 18/02/2022 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc xây dựng lộ trình nâng cao năng lực ngoại ngữ của người tốt nghiệp trình độ đại học.

(B) Mục tiêu:

- + Đáp ứng chuẩn CTĐT trình độ đại học;
- + Đáp ứng chuẩn đầu ra (CĐR) ngoại ngữ của người tốt nghiệp trình độ đại học;
- + Người học có thêm nhiều cơ hội học tập và cơ hội nghề nghiệp hơn sau khi tốt nghiệp.

(C) Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, điều kiện tốt nghiệp, tóm tắt lộ trình tổ chức thực hiện:

1. Xác định ngoại ngữ là Tiếng Anh khi xây dựng chuẩn đầu ra:

- a. Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn chọn Tiếng Anh là ngoại ngữ thứ nhất để giảng dạy trong CTĐT các ngành không chuyên ngữ. CDR ngoại ngữ được xây dựng trên ngôn ngữ chính là Tiếng Anh. Sau đây, có thể hiểu, hay gọi CDR ngoại ngữ là CDR Tiếng Anh.
 - b. CDR Tiếng Anh của người tốt nghiệp trình độ đại học được xác định tương đương Bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Khung NLNNVN).
2. **Chuẩn đầu ra Tiếng Anh tương đương khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được xét tương đương với các chứng chỉ ngoại ngữ:**

Chứng chỉ	Bậc 1 (A1)	Bậc 2 (A2)	Bậc 3 (B1)	Bậc 4 (B2)	Bậc 5 (C1)	Bậc 6 (C2)
Aptis ESOL	A1	A2	B1	B2	C1	C2
Cambridge English	80 – <120 (Pre A1 – A1)	120 – <140 (KET – A2)	140 – <160 (PET – B1)	160 – <180 (FCE – B2)	180 – <200 (CAE – C1)	200 – 230 (CPE – C2)
IELTS	1.0 – 2.5	3.0 – 3.5	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5	7.0 – 8.0	8.5 – 9.0
PEIC (PTE General)	Level A1	Level 1	Level 2	Level 3	Level 4	Level 5
PTE Academic	10 – 29	30 – 42	43 – 58	59 – 75	76 – 84	85 – 90
TOEFL iBT	19	40	45 – 60	61 – 79	80 – 99	100+
TOEFL ITP	347	400	450	500	550	600
TOEIC (L&R)	255	400	450	600	850	910+
VSTEP	A1	A2	B1	B2	C1	C2

- + Người tốt nghiệp trình độ đại học cần đạt trình độ ngoại tương đương Bậc 3/6 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Khung NLNNVN) tương đương chứng chỉ B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR). CEFR, viết tắt cho Common European Framework of Reference. CEFR - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu là một tiêu chuẩn được quốc tế công nhận để mô tả mức độ thông thạo ngôn ngữ. CEFR được chấp nhận rộng rãi ở khắp Châu Âu và ngày càng phổ biến trên toàn thế giới. Trong đó: A1 và A2 – Sơ cấp bậc 1 và 2; B1 và B2 – Trung cấp bậc 1 và 2; C1 và C2 – Cao cấp bậc 1 và 2.
- + Aptis ESOL, viết tắt cho Aptis English for Speakers of Other Languages. Đây là một bài kiểm tra tiếng Anh hiện đại do British Council thiết kế và triển khai, nhằm đánh giá bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. Aptis ESOL được phát triển theo Khung tham chiếu châu Âu CEFR (A1 – C2), cung cấp một công cụ đánh giá linh hoạt, thường được các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước sử dụng để đo lường và chứng minh năng lực ngoại ngữ.
- + Cambridge English Qualifications là các kỳ thi chuyên sâu do Cambridge Assessment English (Đại học Cambridge, Vương quốc Anh) tổ chức. Mỗi kỳ thi tập trung vào một cấp độ của Khung CEFR, là thước đo trình độ tiếng Anh được công nhận toàn cầu. Một số chứng chỉ tiêu biểu: KET (A2 Key) – trình độ sơ cấp; PET (B1 Preliminary) – trình độ trung cấp cơ bản; FCE (B2 First) – trình độ trung cấp cao; CAE (C1 Advanced) – trình độ nâng cao; CPE (C2 Proficiency) – trình độ thành thạo. Đặc biệt, PET (B1 Preliminary) dành cho người đã nắm vững kiến thức cơ bản và có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày.
- + IELTS, viết tắt cho International English Language Testing System. IELTS là kỳ thi kiểm tra trình độ thông thạo tiếng Anh phổ biến nhất thế giới, phục vụ các mục đích học tập, làm việc và định cư. Có hai hình thức thi chính: IELTS Academic – dành cho học thuật; IELTS General Training – dành cho mục đích tổng quát (việc làm, định cư). Bài thi đánh giá toàn diện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, được công nhận bởi hơn 11.000 tổ chức toàn cầu.

- + PEIC, viết tắt cho Pearson English International Certificate. Đây là chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Pearson (Anh) tổ chức. Kỳ thi này đánh giá khả năng tiếng Anh thông qua các tình huống thực tế, phù hợp cho người học mong muốn khẳng định năng lực trong môi trường học tập và làm việc quốc tế. PEIC được thiết kế theo CEFR từ A1 đến
- + PTE Academic, viết tắt cho Pearson Test of English Academic. Đây là kỳ thi tiếng Anh trên máy tính, do Pearson tổ chức, tập trung đánh giá kỹ năng ngôn ngữ trong bối cảnh học thuật. PTE Academic được nhiều trường đại học, chính phủ và tổ chức quốc tế công nhận, đặc biệt phổ biến cho mục đích du học và định cư. Thang điểm từ 10 đến 90, được quy chiếu với CEFR (A1 → C2).
- + TOEFL, viết tắt cho Test of English as a Foreign Language. Đây là kỳ thi tiếng Anh quốc tế do ETS (Educational Testing Service, Mỹ) tổ chức, được dùng rộng rãi để đánh giá năng lực học thuật của người không nói tiếng Anh bản ngữ. Các hình thức thi: TOEFL iBT (Internet-Based Test) – phổ biến hiện nay; TOEFL CBT (Computer-Based Test) – thi trên máy tính, hiện đã ngừng; TOEFL PBT (Paper-Based Test) – thi trên giấy, ít phổ biến; TOEFL ITP (Institutional Testing Program) – dùng nội bộ cho trường học, tổ chức.
- + TOEIC, viết tắt cho Test of English for International Communication. Đây là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp quốc tế, đặc biệt trong môi trường làm việc và kinh doanh. TOEIC do ETS (Mỹ) tổ chức, phổ biến tại châu Á, trong đó có Việt Nam, thường dùng làm chuẩn đầu ra đại học hoặc yêu cầu tuyển dụng. Bài thi TOEIC truyền thống gồm hai phần: Listening và Reading; ngoài ra còn có TOEIC Speaking & Writing. Trường chấp nhận xét TOEIC hai kỹ năng Listening và Reading.
- + VSTEP, viết tắt cho Vietnamese Standardized Test of English Proficiency. Đây là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo **Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Khung NLNNVN)**, tham chiếu CEFR từ A1 đến C2. VSTEP do các trường đại học được Bộ GD&ĐT cho phép tổ chức (như ĐH Ngoại ngữ – ĐHQGHN, ĐH Sư phạm TP.HCM, ĐH Cần Thơ...). Kết quả VSTEP thường dùng để xét chuẩn đầu ra, tuyển sinh sau đại học, và thi/xét năng ngạch công chức – viên chức.

3. Lộ trình thực hiện theo khóa tuyển sinh của trường:

	Từ khóa 2019 đến khóa 2021	Kể từ khóa 2022 về sau
CĐR ngoại ngữ Tiếng Anh	Tương đương Bậc 3/6 khung NLNNVN	Tương đương Bậc 3/6 khung NLNNVN
Điều kiện tốt nghiệp	+ Sinh viên hoàn thành 04 học phần Tiếng Anh trong CTĐT. 08 tín chỉ; bài thi cuối kỳ định dạng Toeic 02 kỹ năng. + Sinh viên tham dự và đạt yêu cầu của kỳ thi xét tương đương Bậc 3/6 do Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tổ chức; hoặc, sinh viên nộp chứng chỉ tiếng Anh xét tương đương Bậc 3/6 khung NLNNVN quy định tại Mục C.2.	+ Sinh viên hoàn thành 04 học phần Tiếng Anh trong CTĐT. 08 tín chỉ; bài thi cuối kỳ định dạng Toeic 02 kỹ năng đối với khóa 2022; định dạng B1 04 kỹ năng đối với khóa 2023 về sau. + Sinh viên nộp chứng chỉ Tiếng Anh tương đương Bậc 3/6 khung NLNNVN quy định tại Mục C.2.
Tổ chức thực hiện	Bước 01 + Tổ chức lớp Tiếng Anh 01; 02; 03 và 04 theo CTĐT. Bước 02 + Tổ chức lớp ôn tập thi cuối khóa Tiếng Anh xét tương đương Bậc 3/6. + Tổ chức thi 01 – 02 lần/01 học kỳ. + Hoặc, sinh viên tự học, đăng ký thi tại các trung tâm khảo thí, đạt yêu cầu và nộp chứng chỉ xét tương đương Bậc 3/6. Các chứng chỉ	Bước 01 + Tổ chức lớp Tiếng Anh 01; 02; 03 và 04 theo CTĐT. Bước 02 + Liên kết với các trung tâm khảo thí, tổ chức lớp học và thi lấy chứng chỉ tương đương bậc 3/6 ghi tại Mục C.2. Hỗ trợ sinh viên đăng ký dự thi lấy chứng chỉ. + Hoặc, sinh viên tự học, đăng ký thi và nộp chứng chỉ đạt yêu cầu tương đương Bậc 3/6

	Từ khóa 2019 đến khóa 2021	Kể từ khóa 2022 về sau
	được chấp nhận ghi tại Mục C.2. Gồm có: – Aptis ESOL: B1 – Cambridge English: 140 – <160 (PET-B1) – IELTS: 4.0 – 5.0 – PEIC (PTE General): Level 2 – PTE Academic: 43 – 58 – TOEFL iBT: 45 – 60 – TOEFL ITP: 450 – TOEIC (Listening & Reading): 450 – VSTEP: B1	ghi tại Mục C.2. Gồm: – Aptis ESOL: B1 – Cambridge English: 140 – <160 (PET-B1) – IELTS: 4.0 – 5.0 – PEIC (PTE General): Level 2 – PTE Academic: 43 – 58 – TOEFL iBT: 45 – 60 – TOEFL ITP: 450 – TOEIC (Listening & Reading): 450 – VSTEP: B1
Xét tương đương với ngoại ngữ khác.	+ Xét tương đương với ngoại ngữ khác Tiếng Anh (nộp chứng chỉ để được xét) chỉ áp dụng cho đầu ra ngoại ngữ khi tốt nghiệp. + Ngoại ngữ khác không được xét thay thế môn học Tiếng Anh trong CTĐT.	+ Xét tương đương với ngoại ngữ khác Tiếng Anh (nộp chứng chỉ để được xét) chỉ áp dụng cho đầu ra ngoại ngữ khi tốt nghiệp. + Ngoại ngữ khác không được xét thay thế môn học Tiếng Anh trong CTĐT.
Thời hạn hoàn thành và nộp chứng chỉ để xét tốt nghiệp	Mốc thời gian hoàn thành Tiếng Anh cuối khóa; hoặc, nộp chứng chỉ để xét tốt nghiệp hàng năm: + Trước 25/08 cho đợt xét học kỳ 2; + Trước 25/01 cho đợt xét học kỳ 1. Để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp, sau từng mốc thời gian nộp chứng chỉ, nếu sinh viên đạt chứng chỉ theo yêu cầu có thể nhanh chóng nộp bổ sung tại Phòng Đào tạo. Phòng sẽ tập hợp hồ sơ và định kỳ xét bổ sung (nếu có). Các chứng chỉ được công nhận	Mốc thời gian nộp chứng chỉ để xét tốt nghiệp hàng năm (dự kiến): + Nộp trước 30/08 cho đợt xét học kỳ 2; + Nộp Trước 31/01 cho đợt xét học kỳ 1. Để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp, sau từng mốc thời gian nộp chứng chỉ, nếu sinh viên đạt chứng chỉ theo yêu cầu có thể nhanh chóng nộp bổ sung tại Phòng Đào tạo. Phòng sẽ tập hợp hồ sơ và định kỳ xét bổ sung (nếu có).
Gia hạn thời gian xét tốt nghiệp do không đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.	Thời hạn nộp chứng chỉ: Tối đa là 03 năm sau ngày kết thúc thời gian học chính khóa và kéo dài (04 năm chính khóa + 02 năm kéo dài + 03 năm bổ sung chứng chỉ Tiếng Anh).	Thời hạn nộp chứng chỉ: Tối đa là 03 năm sau ngày kết thúc thời gian học chính khóa và kéo dài (04 năm chính khóa + 02 năm kéo dài + 03 năm bổ sung chứng chỉ Tiếng Anh).

(D) Tổ chức lớp ôn luyện thi lấy chứng nhận, chứng chỉ ngoại ngữ:

1. Tổ chức ôn tập và thi cuối khóa Tiếng Anh để xét tương đương Bậc 3/6: Kỳ thi do nhà trường tổ chức, cấp chứng nhận xét tương đương áp dụng cho các khóa 2019, 2020 và 2021. Thực hiện từ học kỳ 1 năm học 2022 – 2023.
2. Đối với các khóa 2022 về sau, sinh viên có thể đăng ký học tại Trung tâm Đào tạo Quốc tế ITPC của trường, hoặc các trung tâm bên ngoài để thi lấy chứng chỉ đạt CDR ngoại ngữ

(E) Điều kiện xét miễn học 04 học phần Tiếng Anh:

1. CTĐT ngành có 04 học phần Tiếng Anh bắt buộc, phân bổ từ học kỳ 1 đến học kỳ 4 của CTĐT kế hoạch.
2. Sinh viên có nhu cầu xét tương đương miễn học phải làm đơn xin xét tương đương miễn học và nộp kèm 01 bản chính và 01 bản sao chứng chỉ tiếng Anh (sao y công chứng) tại Phòng Đào tạo. Thời hạn nộp: chậm nhất là tuần thứ nhất của thời khóa biểu lớp - môn học Tiếng Anh xin xét miễn học.
3. Sinh viên được xét tương đương, miễn học 04 học phần Tiếng Anh (Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 4) khi đạt các chứng chỉ ngoại ngữ theo bảng tham chiếu quy đổi sau:

STT	Chứng chỉ đạt yêu cầu	Đơn vị cấp chứng chỉ	Ghi chú
1	IELTS ≥ 5.0	Hội đồng Anh (British Council) hoặc IDP Education	Còn hạn sử dụng, có bản gốc
2	TOEFL ITP ≥ 500 TOEFL iBT ≥ 61	Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (ETS)	Như trên
3	TOEIC (4 kỹ năng): - Listening & Reading ≥ 600 - Speaking ≥ 120 - Writing ≥ 120	ETS (Mỹ), IIG Việt Nam	Như trên
4	PTE Academic ≥ 43	Tập đoàn Giáo dục Pearson	Như trên
5	PEIC (Pearson English International Certificate) $\geq$ Level 2 (tương đương $\geq$ Bậc 3 KNLNNVN)	Tập đoàn Giáo dục Pearson	Như trên
6	VSTEP $\geq$ Bậc 3 KNLNNVN	Bộ GDĐT (trường được ủy quyền tổ chức)	Như trên

4. Lưu ý:

- + Chỉ xét miễn học khi sinh viên nộp chứng chỉ Tiếng Anh, không xét miễn học 04 học phần Tiếng Anh khi sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ khác Tiếng Anh.
- + Chứng chỉ phải còn hạn sử dụng tính đến thời điểm xét tương đương, miễn học.
- + Sinh viên được miễn học sẽ không đóng học phí cho môn học đó nhưng phải đóng phí quản lý khi xét tương đương, miễn học các học phần theo quy định ghi trong Quy chế Quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Trên đây là thông báo về việc năng lực ngoại ngữ của người tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng CDR. Thông báo này được thay thế Thông báo số 450-23/TB-DSG-ĐT ngày 03/11/2023 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và áp dụng kể từ năm học 2025 – 2026.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐT;
- Sinh viên các khóa;
- Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Lưu Ban KHCB; P.ĐT (5).



PGS. TS. Cao Hào Thi